

Phụ lục III**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN TRIỂN KHAI CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI***(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

TT	STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
				Toàn trình	Một Phần	
	I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		3	2	
1	1	1.012971.000.00.00.H38	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	x		
2	2	1.012974.000.00.00.H38	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	x		
3	3	1.012975.000.00.00.H38	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	x		
4	4	1.012972.000.00.00.H38	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại		x	
5	5	1.012973.000.00.00.H38	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập		x	
	II	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư		4		
6	1	2.002226.000.00.00.H38	Thông báo thành lập tổ hợp tác	x		
7	2	2.002227.000.00.00.H38	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	x		
8	3	2.002228.000.00.00.H38	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	x		
9	4	2.002668.000.00.00.H38	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
	III	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường		1	3	

10	1	1.004082.000.00.00.H38	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	x		
11	2	1.008603.000.00.00.H38	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải		x	
12	3	1.010736.000.00.00.H38	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường		x	
13	4	1.012812.000.00.00.H38	Hòa giải tranh chấp đất đai		x	
	IV	Lĩnh vực Tư pháp		3	19	
14	1	2.002165.000.00.00.H38	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		x	
15	2	2.000635.000.00.00.H38	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	x		
16	3	2.000908.000.00.00.H38	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	x		
17	4	1.001193.000.00.00.H38	Đăng ký khai sinh		x	
18	5	1.000656.000.00.00.H38	Đăng ký khai tử		x	
19	6	1.000110.000.00.00.H38	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		x	
20	7	1.004827.000.00.00.H38	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		x	
21	8	1.004837.000.00.00.H38	Đăng ký giám hộ		x	
22	9	1.004845.000.00.00.H38	Đăng ký chấm dứt giám hộ		x	
23	10	1.004859.000.00.00.H38	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch		x	
24	11	1.004873.000.00.00.H38	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		x	
25	12	1.004884.000.00.00.H38	Đăng ký lại khai sinh		x	
26	13	1.004772.000.00.00.H38	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		x	
27	14	1.005461.000.00.00.H38	Đăng ký lại khai tử		x	
28	15	1.000894.000.00.00.H38	Đăng ký kết hôn		x	
29	16	1.001022.000.00.00.H38	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		x	
30	17	1.000094.000.00.00.H38	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		x	

31	18	1.000080.000.00.00.H38	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		x	
32	19	1.004746.000.00.00.H38	Đăng ký lại kết hôn		x	
33	20	2.001263.000.00.00.H38	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước		x	
34	21	2.001255.000.00.00.H38	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	x		
35	22	1.003005.000.00.00.H38	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		x	
	VI	Lĩnh vực Y tế			1	
36	1	2.001088.000.00.00.H38	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số		x	
	VII	Lĩnh vực Công Thương		2		
37	1	2.000206.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.	x		
38	2	2.000184.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.	x		
	VIII	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT			11	
39	1	2.002161.000.00.00.H38	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		x	
40	2	2.002162.000.00.00.H38	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh		x	
41	3	2.002163.000.00.00.H38	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu		x	

42	4	2.001621.000.00.00.H38	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)		x	
43	5	1.003446.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		x	
44	6	1.003440.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		x	
45	7	1.010091.000.00.00.H38	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội		x	
46	8	1.010092.000.00.00.H38	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội		x	
47	9	1.008838.000.00.00.H38	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (đối với các hợp đồng do UBND cấp xã nơi có nguồn gen quyết định)		x	
48	10	1.012693.000.00.00.H38	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư		x	
49	11	1.008004.000.00.00.H38	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa		x	
	IX	Lĩnh vực Văn hóa và Thể thao		3	4	
50	1	1.008902.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	x		
51	2	1.008903.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	x		
52	3	1.003622.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	x		
53	4	1.012084.000.00.00.H38	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		x	

54	5	1.012085.000.00.00.H38	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị		x	
55	6	1.008901.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng		x	
56	7	2.000794.000.00.00.H38	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở		x	
	X	Lĩnh vực Nội vụ, Tôn giáo		14		
57	1	1.012374.000.00.00.H38	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề	x		
58	2	1.012376.000.00.00.H38	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	x		
59	3	1.012378.000.00.00.H38	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình	x		
60	4	1.012379.000.00.00.H38	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	x		
61	5	1.012592.000.00.00.H38	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	x		
62	6	1.012591.000.00.00.H38	Thủ tục Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	x		
63	7	1.012590.000.00.00.H38	Thủ tục Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	x		
64	8	1.012588.000.00.00.H38	Thủ tục Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	x		
65	9	1.012586.000.00.00.H38	Thủ tục Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	x		
66	10	1.012585.000.00.00.H38	Thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	x		
67	11	1.012584.000.00.00.H38	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	x		
68	12	1.012582.000.00.00.H38	Thủ tục Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	x		
69	13	1.012580.000.00.00.H38	Thủ tục Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	x		
70	14	1.012579.000.00.00.H38	Thủ tục Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	x		

	XI	Lĩnh vực Giao thông vận tải		10		
71	1	1.004088.000.00.00.H38	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	x		
72	2	1.004088.000.00.00.H38	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	x		
73	3	1.004036.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	x		
74	4	2.001711.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	x		
75	5	1.004002.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		
76	6	1.003970.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		
77	7	1.006391.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	x		
78	8	1.003930.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		
79	9	2.001659.000.00.00.H38	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		
80	10	1.005040.000.00.00.H38	Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	x		
	XII	Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội		9	8	
81	1	2.000355.000.00.00.H38	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	x		
82	2	1.001653.000.00.00.H38	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	x		
83	3	1.010833.000.00.00.H38	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	x		

84	4	1.004946.000.00.00.H38	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	x		
85	5	1.004944.000.00.00.H38	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	x		
86	6	2.001947.000.00.00.H38	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	x		
87	7	1.004941.000.00.00.H38	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	x		
88	8	2.001944.000.00.00.H38	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	x		
89	9	2.001942.000.00.00.H38	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	x		
90	10	1.011606.000.00.00.H38	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm		x	
91	11	1.011607.000.00.00.H38	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		x	
92	12	1.011608.000.00.00.H38	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		x	
93	13	1.011609.000.00.00.H38	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình		x	
94	14	1.001699.000.00.00.H38	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		x	
95	15	2.000751.000.00.00.H38	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		x	
96	16	1.000132.000.00.00.H38	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình		x	
97	17	1.010941.000.00.00.H38	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện		x	
			TỔNG SỐ	49	48	